

## HIỆP ĐỊNH

GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ ĐẠI CÔNG QUỐC LÚC-XĂM-BUA VỀ TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN VÀ NGĂN NGỪA VIỆC TRỐN LẬU THUẾ ĐỐI VỚI CÁC LOẠI THUẾ ĐÁNH VÀO THU NHẬP VÀ VÀO TÀI SẢN

**Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Đại công quốc Lúc-Xăm-Bua,**

Mong muốn ký kết một Hiệp định về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và vào tài sản,

Đã thỏa thuận dưới đây:

### ĐIỀU 1. PHẠM VI ÁP DỤNG

Hiệp định này áp dụng cho các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.

### ĐIỀU 2. CÁC LOẠI THUẾ BAO GỒM TRONG HIỆP ĐỊNH

1. Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Nước ký kết hoặc các cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương của Nước đó, đánh vào thu nhập và vào tài sản bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2. Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập, tổng tài sản hoặc những phần của thu nhập hay tài sản bao gồm các khoản thuế đối với lợi nhuận từ việc chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản, các loại thuế đánh trên tổng số tiền lương hoặc tiền công do xí nghiệp chi trả cũng như các loại thuế đánh trên phần trị giá tăng thêm của tài sản đều được coi là thuế đánh vào thu nhập và vào tài sản.

3. Những loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này là:

a. tại Việt Nam: (i) thuế thu nhập cá nhân; (ii) thuế lợi tức; và (iii) thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài;

(dưới đây được gọi là "thuế Việt Nam");

b. tại Lúc-xăm-bua: (i) thuế thu nhập đối với cá nhân; (ii) thuế công ty; (iii) thuế thu trên tiền thù lao của giám đốc công ty; (iv) thuế tài sản; và (v) thuế kinh doanh địa phương;

(dưới đây được gọi là "thuế Lúc-xăm-bua")

4. Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng cho các loại thuế có tính chất tương tự hay về căn bản giống như các loại thuế trên ban hành sau ngày ký Hiệp định này bổ sung, hoặc thay thế các loại

thuế hiện hành. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai nước ký kết sẽ thông báo cho nhau biết những thay đổi cơ bản trong luật thuế của từng Nước.

### **ĐIỀU 3. CÁC ĐỊNH NGHĨA CHUNG**

1. Theo nội dung của Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác:

a. từ "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam: khi dùng theo nghĩa địa lý, từ đó bao gồm toàn bộ lãnh thổ quốc gia Việt Nam, kể cả lãnh hải Việt Nam, và mọi vùng ở ngoài và gắn liền với lãnh hải Việt Nam mà theo luật pháp Việt Nam và phù hợp với luật pháp quốc tế, Việt Nam có quyền chủ quyền đối với việc thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên của đáy biển, lòng đất dưới đáy biển và khối nước ở trên;

b. từ "Lúc-xăm-bua" có nghĩa là Đại công quốc Lúc-xăm-bua, khi dùng theo nghĩa địa lý, từ đó bao gồm lãnh thổ của Đại công quốc Lúc-xăm-bua;

c. thuật ngữ "Nước ký kết" và "Nước ký kết kia" có nghĩa là Việt Nam hay Lúc-xăm-bua tùy theo ngữ cảnh đòi hỏi;

d. thuật ngữ "đối tượng" bao gồm cá nhân, công ty hay bất kỳ tổ chức nhiều đối tượng nào khác;

e. thuật ngữ "công ty" để chỉ các tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là tổ chức công ty dưới giác độ thuế;

f. thuật ngữ "xí nghiệp của Nước ký kết" và "xí nghiệp của Nước ký kết kia" theo thứ tự có nghĩa là một xí nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của một Nước ký kết và một xí nghiệp điều hành bởi đối tượng cư trú của Nước ký kết kia;

g. thuật ngữ "các đối tượng mang quốc tịch" có nghĩa: (i) tất cả các cá nhân mang quốc tịch một Nước ký kết; (ii) tất cả các pháp nhân, tổ chức hùn vốn và hiệp hội có tư cách được chấp nhận theo các luật có hiệu lực tại một Nước ký kết;

h. thuật ngữ "vận tải quốc tế" có nghĩa là bất cứ sự vận chuyển nào bằng tàu thủy hoặc máy bay được thực hiện bởi một xí nghiệp của một Nước ký kết, trừ trường hợp khi chiếc tàu thủy hoặc máy bay đó chỉ hoạt động giữa những địa điểm trong Nước ký kết kia; và

i. thuật ngữ "nhà chức trách có thẩm quyền" có nghĩa: (i) trong trường hợp đối với Việt Nam, là Bộ trưởng Bộ Tài chính; và (ii) trong trường hợp đối với Lúc-xăm-bua, là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Trong khi một Nước ký kết áp dụng Hiệp định này, mọi thuật ngữ chưa được định nghĩa trong Hiệp định này sẽ có nghĩa theo như định nghĩa trong luật của Nước đó đối với các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác.

### **ĐIỀU 4. ĐỐI TƯỢNG CƯ TRÚ**

1. Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Nước ký kết" có nghĩa là bất cứ đối tượng nào, mà theo các luật của Nước đó, là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nhà ở, nơi cư trú, trụ sở điều hành, trụ sở đăng ký hoặc bất kỳ tiêu chuẩn nào khác có tính chất tương tự. Nhưng thuật ngữ này không bao gồm bất cứ đối tượng nào là đối tượng chịu thuế tại Nước đó chỉ vì có thu nhập từ các nguồn tại Nước đó hay có tài sản đặt tại đó.

2. Trường hợp theo những quy định tại khoản 1, khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

a. cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú; nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Nước cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó có quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);

b. nếu như không thể xác định được Nước ký kết nơi cá nhân đó có trung tâm các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Nước, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó thường sống;

c. nếu cá nhân đó thường sống ở cả hai Nước hay không sống thường xuyên ở Nước nào, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó mang quốc tịch;

d. nếu cá nhân đó là đối tượng mang quốc tịch của cả hai Nước hay không mang quốc tịch của Nước nào, các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề đó bằng thỏa thuận chung.

3. Trường hợp do những quy định tại khoản 1, khi một đối tượng không phải là cá nhân, là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, lúc đó, đối tượng trên sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước nơi đóng trụ sở điều hành thực tế của đối tượng đó.

## **ĐIỀU 5. CƠ SỞ THƯỜNG TRÚ**

1. Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" có nghĩa là một cơ sở kinh doanh cố định mà qua đó xí nghiệp thực hiện toàn bộ hay một phần hoạt động kinh doanh của mình.

2. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" chủ yếu bao gồm:

a. trụ sở điều hành;

b. chi nhánh;

c. văn phòng;

d. nhà máy;

e. xưởng;

f. mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên nào khác; và

g. nhà kho.

3. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" cũng bao gồm:

a. địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, lắp ráp hoặc lắp đặt hay các hoạt động giám sát liên quan đến các công trình, địa điểm trên, nhưng chỉ khi địa điểm, công trình hay các hoạt động đó kéo dài trong giai đoạn trên sáu tháng;

b. việc cung cấp các dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn của một xí nghiệp thông qua các nhân viên hay cá nhân khác được xí nghiệp giao thực hiện các hoạt động trên, nhưng chỉ khi các hoạt động mang tính chất nêu trên kéo dài (trong cùng một dự án hay một dự án liên quan) tại một Nước trong một giai đoạn hay nhiều giai đoạn gộp lại hơn sáu tháng trong khoảng thời gian 12 tháng.

4. Mặc dù có những quy định trên của Điều này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" sẽ được coi là không bao gồm:

a. việc sử dụng các phương tiện chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày hàng hóa hay tài sản của xí nghiệp;

b. việc duy trì kho hàng hóa hoặc tài sản của xí nghiệp chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày;

c. việc duy trì kho hàng hóa hoặc tài sản của xí nghiệp chỉ với mục đích để cho xí nghiệp khác gia công;

d. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ nhằm mục đích mua hàng hóa hoặc tài sản hay để thu thập thông tin cho xí nghiệp;

e. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác có tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ cho xí nghiệp.

5. Mặc dù có những quy định tại khoản 1 và 2, trường hợp một đối tượng - trừ đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 6 - hoạt động tại một Nước ký kết thay mặt cho một xí nghiệp của Nước ký kết kia, xí nghiệp đó sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết thứ nhất đối với các hoạt động mà đối tượng trên thực hiện cho xí nghiệp, nếu đối tượng đó:

a. có và thường xuyên thực hiện tại Nước đó thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên xí nghiệp, trừ khi các hoạt động của đối tượng đó chỉ giới hạn trong phạm vi các hoạt động nêu tại khoản 4 mà những hoạt động đó nếu được thực hiện thông qua một cơ sở kinh doanh cố định thì sẽ không làm cho cơ sở kinh doanh cố định đó trở thành một cơ sở thường trú theo những quy định tại khoản đó; hay

b. không có thẩm quyền nêu trên, nhưng thường xuyên duy trì tại Nước thứ nhất một kho hàng hóa hay tài sản, qua đó đối tượng này thường xuyên giao hàng hóa hay tài sản thay mặt cho xí nghiệp.

6. Một xí nghiệp sẽ không được coi là cơ sở thường trú ở một Nước ký kết nếu xí nghiệp đó chỉ thực hiện kinh doanh tại Nước đó thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập, với điều kiện những đối tượng này chỉ hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của họ. Tuy nhiên, khi các hoạt động của đại lý đó được dành toàn bộ hay hầu như toàn bộ cho hoạt động đại diện cho xí nghiệp đó, đại lý đó sẽ không được coi là đại lý có tư cách độc lập theo nghĩa của khoản này.

7. Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc đang tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hay dưới hình thức khác) sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

## **ĐIỀU 6. THU NHẬP TỪ BẤT ĐỘNG SẢN**

1. Thu nhập mà đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp) nằm tại Nước ký kết kia thì có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Thuật ngữ "bất động sản" sẽ có nghĩa theo như luật của Nước ký kết nơi có tài sản. Trong mọi trường hợp thuật ngữ sẽ bao gồm cả tài sản đi liền với bất động sản, đàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền áp dụng theo các quy định tại luật chung về điền sản, quyền sử dụng bất động sản và các quyền được hưởng các khoản thanh toán thay đổi hay cố định trả cho việc khai thác hay quyền khai thác các mỏ, nguồn khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác; các tàu thủy và máy bay sẽ không được coi là bất động sản.

3. Những quy định tại khoản 1 sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê hay sử dụng các loại bất động sản dưới bất kỳ hình thức nào khác.

4. Những quy định tại khoản 1 và 3 cũng sẽ áp dụng cho thu nhập từ bất động sản của một xí nghiệp và đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập.

## **ĐIỀU 7. LỢI TỨC DOANH NGHIỆP**

1. Lợi tức của một xí nghiệp của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ trường hợp xí nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia. Nếu xí nghiệp có hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi tức của xí nghiệp có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia, nhưng chỉ trên phần lợi tức phân bổ cho cơ sở thường trú đó.

2. Theo các quy định tại khoản 3, khi một xí nghiệp của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia thì tại mỗi Nước ký kết sẽ có những khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở đó có thể thu

được, nếu nó là một xí nghiệp riêng, tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động như nhau hay tương tự trong cùng những điều kiện như nhau hay tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với xí nghiệp mà cơ sở đó được coi là cơ sở thường trú.

3. Trong khi xác định lợi tức của một cơ sở thường trú, cơ sở này sẽ được phép khấu trừ các khoản chi phí phát sinh phục vụ cho hoạt động kinh doanh do cơ sở thường trú đó thực hiện bao gồm cả chi phí điều hành và chi phí quản lý chung mặc dù chi phí đó phát sinh tại Nước nơi cơ sở thường trú đó đóng hoặc ở bất kỳ nơi nào khác.

4. Không có nội dung nào tại Điều này ảnh hưởng đến việc áp dụng luật của một Nước ký kết liên quan đến việc xác định nghĩa vụ nộp thuế của một đối tượng trong trường hợp thông tin cung cấp cho nhà chức trách có thẩm quyền của Nước đó không đủ để xác định các khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú, với điều kiện luật trên sẽ được áp dụng, trong phạm vi thông tin nhà chức trách có thẩm quyền đã có cho phép, phù hợp với những nguyên tắc của Điều này.

5. Trường hợp tại một Nước ký kết vẫn thường xác định các khoản lợi tức được phân bổ cho một cơ sở thường trú trên cơ sở phân chia tổng các khoản lợi tức của xí nghiệp thành những phần khác nhau, không có nội dung nào tại khoản 2 ngăn cản Nước ký kết đó xác định lợi tức chịu thuế theo các phân chia theo thông lệ trên; tuy nhiên, phương pháp phân chia được chấp nhận sẽ có kết quả phù hợp với những nguyên tắc nêu tại Điều này.

6. Không có một khoản lợi tức nào được phân bổ cho một cơ sở thường trú nếu cơ sở thường trú đó chỉ đơn thuần mua hàng hóa hoặc tài sản cho xí nghiệp.

7. Theo nội dung các khoản trên, các khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định theo cùng một phương pháp giữa các năm trừ khi có đủ lý do chính xác để xác định theo phương pháp khác.

8. Khi lợi tức bao gồm các khoản thu nhập được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì các quy định của các Điều đó không bị ảnh hưởng bởi những quy định tại Điều này.

## **ĐIỀU 8. VẬN TẢI BIỂN VÀ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG**

1. Lợi tức do một xí nghiệp của một Nước ký kết thu được từ hoạt động của tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

2. Những quy định tại khoản 1 cũng sẽ áp dụng cho các khoản lợi tức thu được từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hay một hãng hoạt động quốc tế.

## **ĐIỀU 9. NHỮNG XÍ NGHIỆP LIÊN KẾT**

1. Khi:

a. một xí nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia, hoặc

b. các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của một Nước ký kết và vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia,

và trong cả hai trường hợp, trong mối quan hệ tài chính và thương mại giữa hai xí nghiệp trên có những điều kiện được đưa ra hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các xí nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi tức mà một xí nghiệp có thể thu được nếu không có những điều kiện trên nhưng nay vì những điều kiện này mà xí nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn được một Nước ký kết tính vào các khoản lợi tức của xí nghiệp đó và bị đánh thuế tương ứng.

2. Khi một Nước ký kết tính vào các khoản lợi tức của xí nghiệp tại Nước đó - và đánh thuế tương ứng - các khoản lợi tức mà một xí nghiệp tại Nước ký kết kia đã bị đánh thuế ở Nước kia và những khoản lợi tức lẽ ra thuộc về xí nghiệp của Nước thứ nhất nếu như những điều kiện đặt ra giữa hai xí nghiệp trên là những điều kiện đặt ra giữa hai xí nghiệp độc lập, khi đó Nước ký kết kia, nếu đồng ý với việc điều chỉnh, sẽ điều chỉnh các khoản thuế tại Nước mình đối với những khoản lợi tức trên cho phù hợp. Trong khi xác định sự điều chỉnh trên sẽ xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này và khi cần thiết các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ tham khảo ý kiến của nhau.

## **ĐIỀU 10. TIỀN LÃI CỔ PHẦN**

1. Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

2. Tuy nhiên, những khoản tiền lãi cổ phần đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú, nhưng thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá:

a. 5 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần nếu đối tượng thực hưởng là một công ty nắm giữ trực tiếp hay gián tiếp ít nhất là 50 phần trăm vốn của công ty trả tiền lãi cổ phần hay đầu tư hơn 10 triệu đô la Mỹ, hoặc khoản tương đương bằng tiền Việt Nam hoặc tiền Lút-xăm-bua, vào vốn của công ty trả tiền lãi cổ phần;

b. 10 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần nếu đối tượng thực hưởng là một công ty nắm giữ trực tiếp hay gián tiếp ít nhất là 25 phần trăm nhưng ít hơn 50 phần trăm vốn của công ty trả tiền lãi cổ phần và đầu tư không nhiều hơn 10 triệu đô la Mỹ, hoặc khoản tương đương bằng tiền Việt Nam hoặc tiền Lút-xăm-bua, vào vốn của công ty trả tiền lãi cổ phần;

c. 15 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần trong tất cả các trường hợp khác.

Những quy định của khoản này sẽ không ảnh hưởng tới việc đánh thuế công ty đối với khoản lợi tức dùng để chia lãi cổ phần.

3. Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần, hoặc các quyền lợi khác, không kể các khoản nợ, được hưởng lợi tức, cũng như thu nhập từ các quyền lợi công ty khác cùng chịu sự điều chỉnh của chính sách thuế đối với thu nhập từ cổ phần theo các luật của Nước nơi công ty chia lãi cổ phần là đối tượng cư trú.

4. Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng trong trường hợp đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia, nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước đó, hay tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền nắm giữ cổ phần nhờ đó được hưởng tiền lãi cổ phần, có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp này các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có lợi tức hay thu nhập phát sinh từ Nước ký kết kia thì Nước kia có thể không đánh thuế đối với những khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp những khoản tiền lãi cổ phần này được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, hoặc quyền nắm giữ cổ phần có các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định tại Nước kia, đồng thời Nước ký kết kia cũng không buộc các khoản lợi tức không chia của công ty trên phải chịu thuế đối với những khoản lợi tức không chia của công ty, cho dù những khoản tiền lãi cổ phần được chia hoặc các khoản lợi tức không chia bao gồm toàn bộ hay một phần các khoản lợi tức hoặc thu nhập phát sinh tại Nước kia.

## **ĐIỀU 11. LÃI TỪ TIỀN CHO VAY**

1. Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết nơi phát sinh lãi và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi này thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số khoản lãi từ tiền cho vay.

3. Thuật ngữ "lãi từ tiền cho vay" dùng ở Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ dạng nào, có hay không được bảo đảm bằng thế chấp và có hoặc không có quyền được hưởng lợi tức của người đi vay, và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán Chính phủ và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái phiếu thông thường, bao gồm cả tiền thưởng và giải thưởng đi liền với các chứng khoán, trái phiếu hoặc trái phiếu thông thường đó. Tiền phạt thanh toán chậm sẽ không được coi là lãi từ tiền cho vay theo nội dung của Điều này.

4. Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không được áp dụng nếu người thực hưởng các khoản lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư trú tại một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia hoặc thực hiện tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia và khoản nợ có các khoản tiền lãi được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả chính là Nhà nước đó, cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương, hoặc đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi này, và khoản tiền lãi đó do cơ sở



thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng đó có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản tiền lãi này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước ký kết nơi cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

6. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả lãi và đối tượng hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng trên và các đối tượng khác, khoản lãi từ tiền cho vay, liên quan đến khoản cho vay có số tiền lãi được trả vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng đi vay và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì khi đó, các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo luật của từng Nước ký kết có xem xét tới các quy định khác của Hiệp định này.

## **ĐIỀU 12. TIỀN BẢN QUYỀN**

1. Tiền bản quyền phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Tuy nhiên, những khoản tiền bản quyền đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh, và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng tiền bản quyền thì mức thuế được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền bản quyền.

3. Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán ở bất kỳ dạng nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bản quyền tác giả của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hay khoa học, kể cả phim điện ảnh hoặc các loại phim hay các loại băng dùng trong phát thanh và truyền hình, băng phát minh, nhãn hiệu thương mại, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, hay trả cho việc sử dụng, hay quyền sử dụng thiết bị công nghiệp, thương mại hoặc khoa học, hay trả cho thông tin liên quan đến kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hoặc khoa học.

4. Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền bản quyền, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh ở Nước ký kết kia nơi có khoản tiền bản quyền phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hoặc tiến hành tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền hay tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó. Trong trường hợp này các quy định của Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Tiền bản quyền sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả tiền bản quyền chính là Nhà nước đó, cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương hoặc là đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi một đối tượng trả tiền bản quyền, là hay không là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền bản quyền đã phát sinh và tiền bản quyền đó do cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó chịu thì khoản tiền bản quyền này sẽ được coi là phát sinh ở Nước nơi cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

6. Trường hợp vì mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên và các đối tượng khác, khoản tiền bản quyền, liên quan đến việc sử dụng, quyền hay thông tin có số tiền bản quyền được trả, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả tiền và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết có xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này.

### **ĐIỀU 13. LỢI TỨC TỪ CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN**

1. Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng bất động sản được nêu tại Điều 6 và nằm tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.
2. Lợi tức từ việc chuyển nhượng động sản là một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một xí nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia hoặc động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có ở Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập kể cả lợi tức từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú đó (riêng cơ sở thường trú hoặc cùng với toàn bộ xí nghiệp) hoặc cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.
3. Lợi tức từ việc chuyển nhượng tàu thủy hoặc máy bay do một xí nghiệp của một Nước ký kết điều hành trong vận tải quốc tế hoặc động sản thuộc hoạt động của tàu thủy hoặc máy bay đó, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.
4. Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng cổ phần hay các quyền lợi tương ứng trong một công ty mà tài sản của công ty đó chủ yếu hay toàn bộ bao gồm bất động sản nằm tại Nước ký kết kia, có thể bị đánh thuế tại Nước kia.
5. Lợi tức từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào ngoài những tài sản được đề cập tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 6 sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi đối tượng chuyển nhượng là đối tượng cư trú.
6. Những quy định tại khoản 5 sẽ không ảnh hưởng đến quyền của mỗi Nước ký kết trong việc đánh thuế theo luật riêng của Nước đó đối với lợi tức do một cá nhân là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia thu được từ việc chuyển nhượng cổ phần hay quyền lợi trong một công ty có một phần hay toàn bộ vốn được chia thành các cổ phần và theo các luật của Nước đó, công ty này là đối tượng cư trú của Nước đó.

### **ĐIỀU 14. HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN ĐỘC LẬP**

1. Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động dịch vụ ngành nghề hay các hoạt động khác có tính chất độc lập sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó trừ các trường hợp sau đây khi thu nhập đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia:

a. nếu đối tượng đó thường xuyên có tại Nước ký kết kia một cơ sở cố định nhằm mục đích thực hiện các hoạt động này; trong trường hợp đó chỉ phần thu nhập phân bổ cho cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia; hay

b. nếu đối tượng đó có mặt tại Nước ký kết kia trong một giai đoạn hay nhiều giai đoạn gộp lại từ 183 ngày trở lên trong năm tài chính liên quan; trong trường hợp đó chỉ phần thu nhập thu được từ các hoạt động của đối tượng này được thực hiện tại Nước kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" chủ yếu bao gồm những hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hay giảng dạy mang tính chất độc lập cũng như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, bác sĩ, luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư, nha sĩ và kế toán viên.

## **ĐIỀU 15. HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN PHỤ THUỘC**

1. Thẻ theo các quy định tại Điều 16, 18, 19, 20 và 21 các khoản tiền lương, tiền công, và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ khi công việc của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia. Nếu công việc làm công được thực hiện như vậy, số tiền công trả cho lao động đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Mặc dù có những quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công tại Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết thứ nhất nếu:

a. người nhận tiền có mặt tại Nước kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong năm tài chính liên quan, và

b. chủ lao động hay đối tượng đại diện chủ lao động trả tiền công lao động không phải là đối tượng cư trú tại Nước kia, và

c. số tiền công không phải phát sinh tại một cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định mà đối tượng chủ lao động có tại Nước kia.

3. Mặc dù có những quy định trên của Điều này, tiền công từ lao động làm trên tàu thủy hoặc máy bay do một xí nghiệp của một Nước ký kết điều hành trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

## **ĐIỀU 16. THÙ LAO CHO GIÁM ĐỐC**

Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là thành viên của ban giám đốc của một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

## **ĐIỀU 17. NGHỆ SĨ VÀ VẬN ĐỘNG VIÊN**

1. Mặc dù có những quy định tại Điều 14 và 15, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được với tư cách người biểu diễn như diễn viên sân khấu, điện ảnh, phát thanh hay truyền hình, hoặc nhạc công, hoặc với tư cách là vận động viên, từ những hoạt động cá nhân của mình thực hiện tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên, mà trả cho một đối tượng khác thì thu nhập này có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù có những quy định tại Điều 7, 14 và 15.

3. Mặc dù đã có các quy định tại khoản 1 và 2, thu nhập do các nghệ sỹ hay vận động viên là đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động trình diễn tại Nước ký kết kia theo một chương trình trao đổi văn hóa giữa hai Chính phủ của hai Nước ký kết sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết kia.

## **ĐIỀU 18. TIỀN LƯƠNG HƯU**

1. Thẻ theo các quy định tại khoản 2 Điều 19, tiền lương hưu và các khoản tiền công tương tự khác được trả cho một đối tượng cư trú của một Nước ký kết do các công việc đã làm trước đây sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước đó.

2. Mặc dù có các quy định tại khoản 1, tiền lương hưu và các khoản tiền thanh toán khác được trả theo luật bảo hiểm xã hội của một Nước ký kết có thể bị đánh thuế ở Nước đó.

## **ĐIỀU 19. PHỤC VỤ NHÀ NƯỚC**

1. a. Các khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác, trừ tiền lương hưu, do một Nước ký kết hoặc một cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương của Nước ký kết đó trả cho một cá nhân đối với việc phục vụ cho Nhà nước hoặc chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

b. Tuy nhiên các khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác này, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Nước kia và nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Nước kia, đồng thời: (i) là đối tượng mang quốc tịch của Nước kia; hoặc (ii) không trở thành đối tượng cư trú của Nước kia chỉ đơn thuần vì thực hiện những công việc trên.

2. a. Bất kỳ một khoản tiền lương hưu nào do một Nước ký kết, một chính quyền cơ sở hoặc một cơ quan chính quyền địa phương của Nước đó hoặc do các quỹ của những cơ quan này lập ra trả cho một cá nhân đối với các công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc các cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương tại Nước đó sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước đó.

b. Tuy nhiên, những khoản tiền lương hưu này sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước ký kết kia nếu cá nhân này là đối tượng cư trú và là đối tượng mang quốc tịch của Nước kia.

3. Các quy định của Điều 15, 16 và 18 sẽ áp dụng đối với những khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác và tiền lương hưu đối với các công việc liên quan đến một hoạt động kinh doanh được tiến hành bởi một Nước ký kết hoặc cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó.

## **ĐIỀU 20. SINH VIÊN VÀ THỰC TẬP SINH**

1. Những khoản tiền mà một sinh viên hay thực tập sinh nhận được để trang trải các chi phí sinh hoạt, học tập hay đào tạo mà người sinh viên hay thực tập sinh này ngay trước khi đến một Nước ký kết đang và đã là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và hiện có mặt tại Nước thứ nhất chỉ với mục đích học tập hay đào tạo, sẽ không bị đánh thuế tại Nước thứ nhất, với điều kiện những khoản tiền đó có nguồn gốc từ bên ngoài Nước này.

2. Mặc dù đã có các quy định tại các Điều 14 và 15, tiền công trả cho các hoạt động phục vụ của sinh viên hay thực tập sinh thực hiện tại một Nước ký kết sẽ không bị đánh thuế tại Nước đó với điều kiện những hoạt động phục vụ đó có liên quan đến hoạt động học tập hay đào tạo của đối tượng đó.

## **ĐIỀU 21. GIÁO VIÊN, GIÁO SƯ VÀ NHÀ NGHIÊN CỨU**

1. Một cá nhân hiện tại ngay trước khi sang một Nước ký kết là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và hiện có mặt tại Nước ký kết thứ nhất với mục đích chủ yếu là giảng dạy, thuyết trình hay tiến hành nghiên cứu tại một trường đại học, cao đẳng, phổ thông hay cơ sở giáo dục hay tổ chức nghiên cứu khoa học được Chính phủ của Nước ký kết thứ nhất chỉ định trong một khoảng thời gian 2 năm kể từ ngày đầu tiên đến Nước ký kết thứ nhất, sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết thứ nhất đối với khoản tiền công trả cho hoạt động giảng dạy, thuyết trình hay nghiên cứu như vậy.

2. Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với thu nhập từ hoạt động nghiên cứu nếu việc nghiên cứu này được một cá nhân thực hiện vì lợi ích công cộng và ngay từ đầu không phải vì lợi ích riêng của một hay nhiều cá nhân khác.

## **ĐIỀU 22. THU NHẬP KHÁC**

1. Những khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, cho dù phát sinh ở đâu, chưa được đề cập đến tại những Điều trên của Hiệp định này, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

2. Những quy định tại khoản 1 sẽ không áp dụng đối với thu nhập, trừ thu nhập từ bất động sản được định nghĩa tại khoản 2 Điều 6, nếu đối tượng nhận thu nhập là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hay thực hiện tại Nước kia những hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền hay tài sản liên quan đến số thu nhập được chi trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hay cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp như vậy những quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

## **ĐIỀU 23. TÀI SẢN**

1. Tài sản là bất động sản nêu tại Điều 6 do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết sở hữu và bất động sản đó nằm tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Tài sản là động sản hình thành nên một phần tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú của một xí nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia hay là động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia để thực hiện các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

3. Tài sản là tàu thủy và máy bay do một xí nghiệp của một Nước ký kết điều hành trong hoạt động vận tải quốc tế và tài sản là động sản liên quan đến hoạt động của tàu thủy và máy bay đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

4. Tất cả các phần tài sản khác của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

## **ĐIỀU 24. CÁC BIỆN PHÁP XÓA BỎ VIỆC ĐÁNH THUẾ HAI LẦN**

1. Tại Việt Nam, việc đánh thuế hai lần sẽ được xóa bỏ như sau:

a. Trường hợp một đối tượng cư trú của Việt Nam có thu nhập, lợi tức hay lợi tức từ chuyên nhượng tài sản mà theo các luật của Lúcxăm-bua và phù hợp với Hiệp định này, có thể bị đánh thuế tại Lúcxăm-bua, Việt Nam sẽ cho phép khấu trừ vào thuế đánh trên thu nhập, lợi tức hay lợi tức từ chuyên nhượng tài sản của đối tượng cư trú đó một số tiền bằng số tiền đã nộp tại Lúcxăm-bua. Tuy nhiên, số thuế được khấu trừ sẽ không vượt quá số thuế Việt Nam đánh trên thu nhập, lợi tức hay lợi tức từ chuyên nhượng tài sản đó được tính phù hợp với các luật và quy định về thuế của Việt Nam.

b. Trường hợp một công ty là đối tượng cư trú của Lúcxăm-bua trả tiền lãi cổ phần cho một công ty là đối tượng cư trú của Việt Nam và công ty này nắm giữ trực tiếp ít nhất là 10 phần trăm vốn của công ty trả lãi cổ phần (cùng với số thuế Lúcxăm-bua được phép khấu trừ theo quy định của điểm (a) tại khoản này), việc khấu trừ sẽ xem xét đến số thuế Lúcxăm-bua do công ty thứ nhất đã nộp đối với số lợi tức dùng để chia lãi cổ phần.

2. Tại Lúcxăm-bua, việc đánh thuế hai lần sẽ được xóa bỏ như sau:

a. Trường hợp một đối tượng cư trú của Lúcxăm-bua thu được thu nhập hoặc sở hữu tài sản, mà phù hợp với các quy định của Hiệp định này, có thể bị đánh thuế tại Việt Nam, khi đó thể theo các quy định tại các điểm từ (b) đến (d), Lúcxăm-bua sẽ miễn thuế cho những khoản thu nhập hay tài sản này, nhưng để tính số thuế đánh trên phần thu nhập hay tài sản còn lại của đối tượng cư trú đó, có thể áp dụng cùng mức thuế suất như trường hợp khoản thu nhập hay tài sản đó không được miễn thuế.

b. Trường hợp một đối tượng cư trú của Lúcxăm-bua nhận được thu nhập, mà phù hợp với các quy định của Điều 10, 11, 12 và khoản 4 và 6 của Điều 13, có thể bị đánh thuế tại Việt Nam, Lúcxăm-bua sẽ cho phép khấu trừ vào phần thuế đánh trên thu nhập của đối tượng cư trú đó một số tiền bằng số thuế đã nộp tại Việt Nam. Tuy nhiên, số tiền khấu trừ đó sẽ không vượt quá phần

thuế được tính trước khi cho phép khấu trừ, phân bổ cho những khoản thu nhập nhận được từ Việt Nam.

c. Trường hợp một công ty là đối tượng cư trú của Lúc-xăm-bua thu được tiền lãi cổ phần từ các nguồn tại Việt Nam, Lúc-xăm-bua sẽ miễn thuế cho những khoản tiền lãi cổ phần này với điều kiện công ty là đối tượng cư trú của Lúc-xăm-bua, ngay từ đầu năm kế toán, đã sở hữu trực tiếp ít nhất là 10 phần trăm vốn của công ty trả lãi cổ phần. Trong cùng điều kiện đó, số cổ phần trong công ty của Việt Nam như nêu ở trên sẽ được miễn thuế tài sản của Lúc-xăm-bua.

d. Trường hợp, do những miễn giảm thuế theo quy định của luật Việt Nam nhằm khuyến khích đầu tư tại Việt Nam, số thuế Việt Nam thực tế đánh vào tiền lãi cổ phần (không phải là tiền lãi cổ phần được đề cập tới tại điểm (c)), lãi tiền cho vay hay tiền bản quyền phát sinh tại Việt Nam thấp hơn các mức tương ứng được đề cập tại Điều 10, 11 và 12, khi đó số thuế nộp tại Việt Nam đối với tiền lãi cổ phần, lãi tiền cho vay và tiền bản quyền sẽ được coi như là đã được nộp với các thuế suất tương ứng được nêu tại Điều 10, 11 và 12.

Những quy định tại điểm này sẽ được áp dụng trong 10 năm bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 1996. Các nhà chức trách có thẩm quyền có thể thông qua thỏa thuận chung để kéo dài thời hạn này.

## **ĐIỀU 25. KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ**

1. Những đối tượng mang quốc tịch của một Nước ký kết sẽ không phải chịu tại Nước ký kết kia bất kỳ hình thức thuế nào hay bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang và có thể áp dụng cho các đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia trong cùng những hoàn cảnh như nhau. Mặc dù có những quy định ở Điều 1, quy định này cũng sẽ áp dụng cho các đối tượng không phải là đối tượng cư trú của một hoặc cả hai Nước ký kết.

2. Thuế áp dụng đối với một cơ sở thường trú của một xí nghiệp của một Nước ký kết đặt tại Nước ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn thuế áp dụng đối với các xí nghiệp của Nước ký kết kia cùng thực hiện những hoạt động tương tự. Quy định này sẽ không được hiểu là buộc một Nước ký kết phải dành cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia được hưởng bất kỳ suất miễn thu cá nhân, khoản miễn và giảm thuế nào về thân phận dân sự và trách nhiệm gia đình mà Nước ký kết thứ nhất dành cho những đối tượng cư trú của mình.

3. Trừ khi những quy định của khoản 1 Điều 9, khoản 6 Điều 11 hay khoản 6 Điều 12 được áp dụng, lãi từ tiền cho vay, tiền bản quyền và các khoản tiền chi trả khác do một xí nghiệp của một Nước ký kết trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, sẽ được tính vào chi phí được trừ để xác định lợi tức chịu thuế của xí nghiệp đó, trong những điều kiện tương tự như là số tiền này trả cho một đối tượng cư trú của Nước thứ nhất. Tương tự như vậy, bất kỳ một khoản nợ nào của một xí nghiệp của một Nước ký kết vay của một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, sẽ được khấu trừ để xác định tài sản chịu thuế của xí nghiệp đó theo những điều kiện tương tự như là số tiền này vay của một đối tượng cư trú của Nước thứ nhất. Điều này có nghĩa là những quy định của khoản này sẽ không được giải thích là ngăn cản một Nước ký kết áp dụng các quy định về vốn mỏng được đưa ra trong nội luật của mình.

4. Các xí nghiệp của một Nước ký kết có toàn bộ hay một phần vốn thuộc sở hữu hoặc chịu sự kiểm soát, trực tiếp hay gián tiếp, bởi một hay nhiều đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, sẽ không phải chịu ở Nước thứ nhất bất kỳ hình thức thuế nào hay bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang và có thể áp dụng cho các xí nghiệp tương tự của Nước thứ nhất.

5. Những quy định của khoản 2 và 4 Điều này, sẽ không áp dụng đối với thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của Việt Nam và thuế của Việt Nam đối với các hoạt động sản xuất nông nghiệp.

6. Không có quy định nào trong Điều này sẽ được hiểu là buộc một Nước ký kết phải dành cho các cá nhân không phải là đối tượng cư trú của Nước đó được hưởng bất kỳ suất miễn thu cá nhân, khoản miễn và giảm thuế nào mà nó dành cho những cá nhân là đối tượng cư trú.

7. Mặc dù có những quy định của Điều này, trong thời gian Việt Nam tiếp tục cấp giấy phép cho các nhà đầu tư theo Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt Nam, trong đó quy định hình thức thuế áp dụng cho các nhà đầu tư, khi đó việc áp dụng hình thức thuế này sẽ không được coi là vi phạm các quy định tại khoản 2 và 4 của Điều này.

8. Những quy định tại Điều này sẽ chỉ áp dụng cho các loại thuế là đối tượng của Hiệp định này.

## **ĐIỀU 26. THỦ TỤC THỎA THUẬN SONG PHƯƠNG**

1. Trường hợp một đối tượng nhận thấy rằng việc giải quyết của nhà chức trách có thẩm quyền của một hay cả hai Nước ký kết làm cho hay sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng theo những quy định của Hiệp định này, lúc đó đối tượng này có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết nơi đối tượng là đối tượng cư trú hay của Nước ký kết nơi đối tượng đó mang quốc tịch nếu trường hợp của đối tượng đó thuộc khoản 1 Điều 25, mặc dù trong các luật trong nước của hai Nước đã quy định những chế độ xử lý khiếu nại. Trường hợp đó phải được giải trình trong thời hạn 3 năm kể từ lần thông báo giải quyết đầu tiên dẫn đến hình thức thuế áp dụng không đúng với những quy định của Hiệp định.

2. Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại bằng thỏa thuận chung, nhằm mục đích tránh đánh thuế không phù hợp với nội dung của Hiệp định này. Bất kỳ thỏa thuận nào đã đạt được sẽ được thực hiện không căn cứ vào bất kỳ giới hạn thời gian nào ghi trong luật trong nước của hai Nước ký kết.

3. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cố gắng cùng giải quyết mọi khó khăn hay vướng mắc nảy sinh trong quá trình giải thích hay áp dụng Hiệp định này. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết cũng có thể trao đổi với nhau nhằm xóa bỏ việc đánh thuế hai lần trong các trường hợp không được quy định tại Hiệp định.

4. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể trực tiếp thông báo cho nhau với mục đích nhằm đạt được một thỏa thuận theo nội dung của những khoản trên đây. Khi thấy cần thiết phải đối thoại quan điểm để đạt được thỏa thuận, việc đối thoại có thể được tổ chức



thông qua một ủy ban bao gồm các đại diện của các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết.

## **ĐIỀU 27. TRAO ĐỔI THÔNG TIN**

1. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ trao đổi với nhau những thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện những quy định của Hiệp định này hay của các luật trong nước của từng Nước ký kết liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng sao cho việc đánh thuế theo các luật trong nước sẽ không trái với Hiệp định này, đặc biệt là, nhằm ngăn chặn việc trốn, lậu thuế. Mọi thông tin do một Nước ký kết nhận được sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo luật trong nước của Nước này và sẽ chỉ được cung cấp cho các đối tượng hay các cơ quan chức trách (bao gồm cả tòa án và các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán hoặc thu, cưỡng chế hay truy tố, hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng. Các đối tượng hoặc các cơ quan chức trách này sẽ chỉ sử dụng các thông tin đó vào các mục đích nêu trên. Các đối tượng và các cơ quan đó có thể cung cấp các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của tòa án hay trong các quyết định của tòa án.

2. Không có trường hợp nào được quy định tại khoản 1 được giải thích là buộc một Nước ký kết có nghĩa vụ:

a. thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp hay thông lệ về quản lý hành chính của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;

b. cung cấp những thông tin không thể tiết lộ được theo các luật hay theo như quá trình quản lý hành chính thông thường của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;

c. cung cấp những thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về mậu dịch, kinh doanh, công nghiệp, thương mại hay bí mật nghề nghiệp hoặc các phương thức kinh doanh, hoặc cung cấp những thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách nhà nước.

## **ĐIỀU 28. CÁC THÀNH VIÊN ĐOÀN NGOẠI GIAO VÀ CÁC CƠ QUAN LÃNH SỰ**

Không nội dung nào trong Hiệp định này sẽ ảnh hưởng đến những ưu đãi về thuế của các thành viên các ngoại giao hoặc các cơ quan lãnh sự theo những nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế hay những quy định trong các hiệp định đặc biệt.

## **ĐIỀU 29. HIỆU LỰC**

1. Từng Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau bằng văn bản thông qua đường ngoại giao về việc hoàn thành các thủ tục theo luật pháp của Nước đó để Hiệp định này có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày thông báo sau cùng.

2. Hiệp định này sẽ có hiệu lực thi hành:

a. đối với các loại thuế khấu trừ tại nguồn, thu trên thu nhập nhận được vào ngày hay sau ngày 1 tháng 1 năm 1996;

b. đối với các loại thuế khác đánh vào thu nhập, và các loại thuế đánh vào tài sản, được tính cho bất kỳ năm tính thuế nào bắt đầu vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 1996.

### **ĐIỀU 30. KẾT THÚC**

Hiệp định này sẽ có hiệu lực cho tới khi một Nước ký kết tuyên bố kết thúc. Mỗi Nước ký kết thông qua đường ngoại giao có thể kết thúc Hiệp định bằng cách gửi cho Nước ký kết kia văn bản thông báo kết thúc Hiệp định ít nhất 6 tháng trước khi kết thúc bất kỳ năm dương lịch nào bắt đầu từ sau thời hạn 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực. Trong trường hợp như vậy, Hiệp định sẽ chấm dứt hiệu lực thi hành:

a. đối với các loại thuế khấu trừ tại nguồn, thu trên các khoản thu nhập nhận được vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch sau năm gửi thông báo kết thúc Hiệp định;

b. đối với các loại thuế khác đánh vào thu nhập, và các loại thuế đánh vào tài sản, tính cho bất kỳ năm tính thuế nào bắt đầu vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp sau năm gửi thông báo kết thúc Hiệp định;

ĐỀ LÀM BẰNG những người được ủy quyền dưới đây đã ký vào Hiệp định này.

Hiệp định làm thành hai bản tại Hà Nội ngày 4 tháng 3 năm một ngàn chín trăm chín mươi sáu mỗi bản gồm các thứ tiếng Việt, tiếng Pháp và tiếng Anh, tất cả các văn bản đều có giá trị ngang nhau./.

**THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM**

(Đã ký)

**THAY MẶT CHÍNH PHỦ ĐẠI CÔNG  
QUỐC LÚC-XĂM-BUA**

(Đã ký)

Hiệp định này có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 05 năm 1998

### **NGHỊ ĐỊNH THƯ**

Tại thời điểm ký kết Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Đại công quốc Lúc-xăm-bua về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và vào tài sản, những người ký tên dưới đây đã thỏa thuận những quy định sau đây sẽ là một bộ phận hợp thành của Hiệp định:

#### **I. Liên quan đến Điều 5, khoản 4 và 5**

Đối với điểm (a) và (b) của khoản 4, Điều 5, phải hiểu là việc duy trì một kho hàng hóa hoặc tài sản chỉ với mục đích giao hàng hóa hoặc tài sản trong tương lai hoặc việc sử dụng các phương tiện chỉ với mục đích giao hàng hóa hoặc tài sản trong tương lai của một xí nghiệp của một Nước ký kết tại Nước ký kết kia sẽ không tạo ra một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia chừng nào những điều kiện nêu tại điểm (b) khoản 5 của Điều này chưa được thỏa mãn.

## **II. Liên quan đến Điều 7, khoản 1**

Lợi tức thu được từ việc bán hàng hóa hoặc tài sản cùng loại hay tương tự như loại được bán thông qua một cơ sở thường trú, hay lợi tức thu được từ các hoạt động kinh doanh cùng loại hay tương tự như loại được thực hiện thông qua một cơ sở thường trú, có thể được coi là lợi tức phân bổ cho cơ sở thường trú đó nếu chứng minh được rằng nghiệp vụ kinh doanh này được thực hiện để tránh thuế tại Nước nơi có cơ sở thường trú đó.

## **III. Liên quan Điều 11, khoản 2**

Mặc dù có những quy định tại khoản 2 Điều 11, chừng nào theo quy định của các luật thuế của một Nước ký kết và những sửa đổi trong tương lai của các luật đó, Nước ký kết đó không đánh thuế tại nguồn đối với lãi tiền cho vay trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, thì tỷ lệ phần trăm được quy định tại khoản này sẽ được giảm xuống còn 7 phần trăm tổng số lãi tiền cho vay trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết thứ nhất.

## **IV. Liên quan Điều 25, khoản 5**

Thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của Việt Nam đối với lợi tức phân bổ cho một cơ sở thường trú tại Việt Nam của một công ty là đối tượng cư trú của Lúc-xăm-bua, mà số lợi tức này được chuyển từ cơ sở thường trú về trụ sở chính, sẽ không vượt quá 10 phần trăm số lợi tức đó. Tuy nhiên, thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của Việt Nam sẽ không vượt quá 7 phần trăm số lợi tức được chuyển từ một cơ sở thường trú về trụ sở chính của nó chừng nào số lợi tức được chuyển này được miễn thuế tại Lúc-xăm-bua.

## **V. Liên quan đến Điều 10, khoản 2, Điều 11, khoản 2, Điều 12, khoản 2 và điểm (IV) của Nghị định thư**

Nếu như sau ngày 1 tháng 1 năm 1996 Việt Nam ký một Hiệp định tránh thuế hai lần với bất kỳ Nước thành viên nào của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế, trong đó Việt Nam giới hạn thuế đánh tại nguồn của mình đối với các khoản thu nhập này với các thuế suất thấp hơn thuế suất được nêu tại những quy định trên, kể cả việc miễn thuế, khi đó các thuế suất thấp hơn, hoặc việc miễn thuế sẽ tự động được áp dụng cho đối tượng cư trú của Lúc-xăm-bua với hiệu lực thi hành từ ngày Hiệp định có hiệu lực.

ĐỀ LÀM BẰNG những người được ủy quyền dưới đây đã ký vào Nghị định thư này.

Nghị định thư làm thành hai bản tại Hà Nội ngày 4 tháng 3 năm một ngàn chín trăm chín mươi sáu mỗi bản gồm các thứ tiếng Việt, tiếng Pháp và tiếng Anh, tất cả các văn bản đều có giá trị ngang nhau.

**THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM**

(Đã ký)

**THAY MẶT CHÍNH PHỦ ĐẠI CÔNG  
QUỐC LÚC-XÂM-BUA**

(Đã ký)